HANOI UNIVERSITY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

School of Information and Communications Technology

**Software Requirements Specification**

Phân tích – mô hình hóa yêu cầu cho hệ thống

BFR – BikeForRent

Giảng viên phụ trách: Nguyễn Thị Oanh

Sinh viên: Nguyễn Thế Duyệt – 20200118

Vũ Duy Bách – 20200060

Trần Đức Duy – 20200115

Nguyễn Tấn Dũng - 20200103

Contents

[1. Overall Requirements 6](#_Toc150587922)

[1.1. Actors 6](#_Toc150587923)

[1.2. General Usecase Diagram 6](#_Toc150587924)

[1.3. Account Management Lower Level Diagram 7](#_Toc150587925)

[1.4. Manage Store’s Bike Lower Level Diagram 7](#_Toc150587926)

[2. Usecase Specification 8](#_Toc150587927)

[2.1. Usecase 01 – Sign Up 8](#_Toc150587928)

[2.1.1. Mã ca sử dụng: 8](#_Toc150587929)

[2.1.2. Mô tả 8](#_Toc150587930)

[2.1.3. Tác nhân tham gia 8](#_Toc150587931)

[2.1.4. Tiền điều kiện 8](#_Toc150587932)

[2.1.5. Luồng sự kiện cơ bản 8](#_Toc150587933)

[2.1.6. Luồng sự kiện thay thế 8](#_Toc150587934)

[2.1.7. Dữ liệu đầu vào 8](#_Toc150587935)

[2.1.8. Dữ liệu đầu ra 9](#_Toc150587936)

[2.1.9. Hậu điều kiện 9](#_Toc150587937)

[2.2. Usecase 01 - Store Manager Sign Up 9](#_Toc150587938)

[2.2.1. Mã ca sử dụng: 9](#_Toc150587939)

[2.2.2. Mô tả 9](#_Toc150587940)

[2.2.3. Tác nhân tham gia 9](#_Toc150587941)

[2.2.4. Tiền điều kiện 9](#_Toc150587942)

[2.2.5. Luồng sự kiện cơ bản 9](#_Toc150587943)

[2.2.6. Luồng sự kiện thay thế 9](#_Toc150587944)

[2.2.7. Dữ liệu đầu vào 9](#_Toc150587945)

[2.2.8. Dữ liệu đầu ra 9](#_Toc150587946)

[2.2.9. Hậu điều kiện 9](#_Toc150587947)

[2.3. Usecase 03 - Rent Bike 9](#_Toc150587948)

[2.3.1. Mã ca sử dụng: 9](#_Toc150587949)

[2.3.2. Mô tả 10](#_Toc150587950)

[2.3.3. Tác nhân tham gia 10](#_Toc150587951)

[2.3.4. Tiền điều kiện 10](#_Toc150587952)

[2.3.5. Luồng sự kiện cơ bản 10](#_Toc150587953)

[2.3.6. Luồng sự kiện thay thế 10](#_Toc150587954)

[2.3.7. Dữ liệu đầu vào 10](#_Toc150587955)

[2.3.8. Dữ liệu đầu ra 10](#_Toc150587956)

[2.3.9. Hậu điều kiện 11](#_Toc150587957)

[2.4. Usecase 04 - Request Unloking Bike 11](#_Toc150587958)

[2.4.1. Mã ca sử dụng: 11](#_Toc150587959)

[2.4.2. Mô tả 11](#_Toc150587960)

[2.4.3. Tác nhân tham gia 11](#_Toc150587961)

[2.4.4. Tiền điều kiện 11](#_Toc150587962)

[2.4.5. Luồng sự kiện cơ bản 11](#_Toc150587963)

[2.4.6. Luồng sự kiện thay thế 11](#_Toc150587964)

[2.4.7. Dữ liệu đầu vào 11](#_Toc150587965)

[2.4.8. Dữ liệu đầu ra 12](#_Toc150587966)

[2.4.9. Hậu điều kiện 12](#_Toc150587967)

[2.5. Usecase 05 - Account Information Update 12](#_Toc150587968)

[2.5.1. Mã ca sử dụng: 12](#_Toc150587969)

[2.5.2. Mô tả 12](#_Toc150587970)

[2.5.3. Tác nhân tham gia 12](#_Toc150587971)

[2.5.4. Tiền điều kiện 12](#_Toc150587972)

[2.5.5. Luồng sự kiện cơ bản 12](#_Toc150587973)

[2.5.6. Luồng sự kiện thay thế 12](#_Toc150587974)

[2.5.7. Dữ liệu đầu vào 12](#_Toc150587975)

[2.5.8. Dữ liệu đầu ra 12](#_Toc150587976)

[2.5.9. Hậu điều kiện 12](#_Toc150587977)

[2.6. Usecase 06 - Update Bike Information 12](#_Toc150587978)

[2.6.1. Mã ca sử dụng: 12](#_Toc150587979)

[2.6.2. Mô tả 12](#_Toc150587980)

[2.6.3. Tác nhân tham gia 12](#_Toc150587981)

[2.6.4. Tiền điều kiện 13](#_Toc150587982)

[2.6.5. Luồng sự kiện cơ bản 13](#_Toc150587983)

[2.6.6. Luồng sự kiện thay thế 13](#_Toc150587984)

[2.6.7. Dữ liệu đầu vào 13](#_Toc150587985)

[2.6.8. Dữ liệu đầu ra 13](#_Toc150587986)

[2.6.9. Hậu điều kiện 13](#_Toc150587987)

[2.7. Usecase 07 - Add Bike 13](#_Toc150587988)

[2.7.1. Mã ca sử dụng: 13](#_Toc150587989)

[2.7.2. Mô tả 13](#_Toc150587990)

[2.7.3. Tác nhân tham gia 13](#_Toc150587991)

[2.7.4. Tiền điều kiện 13](#_Toc150587992)

[2.7.5. Luồng sự kiện cơ bản 14](#_Toc150587993)

[2.7.6. Luồng sự kiện thay thế 14](#_Toc150587994)

[2.7.7. Dữ liệu đầu vào 14](#_Toc150587995)

[2.7.8. Dữ liệu đầu ra 14](#_Toc150587996)

[2.7.9. Hậu điều kiện 14](#_Toc150587997)

[2.8. Usecase - Delete Bike 14](#_Toc150587998)

[2.8.1. Mã ca sử dụng: 14](#_Toc150587999)

[2.8.2. Mô tả 14](#_Toc150588000)

[2.8.3. Tác nhân tham gia 14](#_Toc150588001)

[2.8.4. Tiền điều kiện 14](#_Toc150588002)

[2.8.5. Luồng sự kiện cơ bản 14](#_Toc150588003)

[2.8.6. Luồng sự kiện thay thế 15](#_Toc150588004)

[2.8.7. Dữ liệu đầu vào 15](#_Toc150588005)

[2.8.8. Dữ liệu đầu ra 15](#_Toc150588006)

[2.8.9. Hậu điều kiện 15](#_Toc150588007)

[2.9. Usecase 09 - Delete Account 15](#_Toc150588008)

[2.9.1. Mã ca sử dụng: 15](#_Toc150588009)

[2.9.2. Mô tả 15](#_Toc150588010)

[2.9.3. Tác nhân tham gia 15](#_Toc150588011)

[2.9.4. Tiền điều kiện 15](#_Toc150588012)

[2.9.5. Luồng sự kiện cơ bản 15](#_Toc150588013)

[2.9.6. Luồng sự kiện thay thế 15](#_Toc150588014)

[2.9.7. Dữ liệu đầu vào 15](#_Toc150588015)

[2.9.8. Dữ liệu đầu ra 15](#_Toc150588016)

[2.9.9. Hậu điều kiện 15](#_Toc150588017)

[2.10. Usecase 10 - Accepting Banning User Request 15](#_Toc150588018)

[2.10.1. Mã ca sử dụng: 15](#_Toc150588019)

[2.10.2. Mô tả 15](#_Toc150588020)

[2.10.3. Tác nhân tham gia 15](#_Toc150588021)

[2.10.4. Tiền điều kiện 16](#_Toc150588022)

[2.10.5. Luồng sự kiện cơ bản 16](#_Toc150588023)

[2.10.6. Luồng sự kiện thay thế 16](#_Toc150588024)

[2.10.7. Dữ liệu đầu vào 16](#_Toc150588025)

[2.10.8. Dữ liệu đầu ra 16](#_Toc150588026)

[2.10.9. Hậu điều kiện 16](#_Toc150588027)

[2.11. Usecase 11 - Accepting Store Management Sign Up Request 16](#_Toc150588028)

[2.11.1. Mã ca sử dụng 16](#_Toc150588029)

[2.11.2. Mô tả 16](#_Toc150588030)

[2.11.3. Tác nhân tham gia 16](#_Toc150588031)

[2.11.4. Tiền điều kiện 16](#_Toc150588032)

[2.11.5. Luồng sự kiện cơ bản 16](#_Toc150588033)

[2.11.6. Luồng sự kiện thay thế 16](#_Toc150588034)

[2.11.7. Dữ liệu đầu vào 17](#_Toc150588035)

[2.11.8. Dữ liệu đầu ra 17](#_Toc150588036)

[2.11.9. Hậu điều kiện 17](#_Toc150588037)

[2.12. Usecase 12 - Accept Banning Bike Request 17](#_Toc150588038)

[2.12.1. Mã ca sử dụng: 17](#_Toc150588039)

[2.12.2. Mô tả 17](#_Toc150588040)

[2.12.3. Tác nhân tham gia 17](#_Toc150588041)

[2.12.4. Tiền điều kiện 17](#_Toc150588042)

[2.12.5. Luồng sự kiện cơ bản 17](#_Toc150588043)

[2.12.6. Luồng sự kiện thay thế 17](#_Toc150588044)

[2.12.7. Dữ liệu đầu vào 17](#_Toc150588045)

[2.12.8. Dữ liệu đầu ra 17](#_Toc150588046)

[2.12.9. Hậu điều kiện 17](#_Toc150588047)

[2.13. Usecase 13 - Accept Unlocking Bike Request 17](#_Toc150588048)

[2.13.1. Mã ca sử dụng: 17](#_Toc150588049)

[2.13.2. Mô tả 17](#_Toc150588050)

[2.13.3. Tác nhân tham gia 17](#_Toc150588051)

[2.13.4. Tiền điều kiện 17](#_Toc150588052)

[2.13.5. Luồng sự kiện cơ bản 18](#_Toc150588053)

[2.13.6. Luồng sự kiện thay thế 18](#_Toc150588054)

[2.13.7. Dữ liệu đầu vào 18](#_Toc150588055)

[2.13.8. Dữ liệu đầu ra 18](#_Toc150588056)

[2.13.9. Hậu điều kiện 18](#_Toc150588057)

# Overall Requirements

## Actors

* Admin
* User
* Guest
* Store Manager

## General Usecase Diagram

A diagram of a network

Description automatically generated

## Account Management Lower Level Diagram

A diagram of a person

Description automatically generated

## Manage Store’s Bike Lower Level Diagram

A diagram of a person

Description automatically generated

# Usecase Specification

## Usecase 01 – Sign Up

### Mã ca sử dụng:

UC – 01

### Mô tả

Ca sử dụng tương tác giữa khách và hệ thống BFR khi khác muốn đăng ký tài khoản để đăng nhập vào hệ thống BFR

### Tác nhân tham gia

Guest

### Tiền điều kiện

### Luồng sự kiện cơ bản

Bước 1: Khách nhấn vào nút “Đăng ký tài khoản”

Bước 2: Hệ thống hiển thị form đăng ký

Bước 3: Khách nhập thông tin vào form đăng ký

Bước 4: Hệ thống kiểm tra tính chính xác của các trường thông tin

Bước 5: Hệ thống kiểm tra xem khách có click vào phần “Đăng ký cho chủ cửa hàng không”

Bước 6: Người dùng không click vào phần “Đăng ký cho chủ cửa hàng”, hệ thống hiển thị thông báo “Đăng ký thành công” và lưu thông tin người dung vào cơ sở dữ liệu

### Luồng sự kiện thay thế

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Vị trí thay thế | Điều kiện | Hành động | Vị trí trở lại |
| 1 | Bước 4 | Thông tin không chính xác | Hệ thống hiển thị thông báo cho Khách | Bước 3 |
| 2 | Bước 6 | Người dùng click vào phần “Đăng ký cho chủ cửa hàng” | Hệ thống chuyển sang trang đăng ký cho chủ cửa hang | UC - 02 |

### Dữ liệu đầu vào

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Trường dữ liệu | Mô tả | Bắt buộc | Điều kiện thỏa mãn | Ví dụ |
| 1 | Tên đăng nhập |  | Có | Là chuỗi kí tự | guest01 |
| 2 | Mật khẩu |  | Có | Là chuỗi kí tự từ 6 đến 20 kí tự | Password01 |
| 3 | Nhập lại mật khẩu |  | Có | Phải trùng với trường mật khẩu đã nhập | Password01 |
| 4 | Họ và tên |  | Có | Chuỗi kí tự | Guest |
| 5 | Số điện thoại |  | Có | Chuỗi 10 kí tự | 0123456789 |

### Dữ liệu đầu ra

### Hậu điều kiện

## Usecase 02 - Store Manager Sign Up

### Mã ca sử dụng:

UC – 02

### Mô tả

Ca sử dụng tương tác giữa khách và hệ thống BFR khi khác muốn đăng ký tài khoản dành cho chủ cửa hàng

### Tác nhân tham gia

Guest

### Tiền điều kiện

Tác nhân click vào phần “Đăng ký tài khoản cho chủ cửa hàng” khi điền form “Đăng ký tài khoản” ở UC – 01

### Luồng sự kiện cơ bản

Bước 1: Hệ thống hiển thị form đăng ký thông tin chủ cửa hàng

Bước 2: Khách nhập thông tin vào form đăng ký

Bước 3: Hệ thống kiểm tra tính chính xác của các trường thông tin

Bước 4: Hệ thống hiển thị thông báo “Đăng ký thành công” và lưu thông tin chủ cửa hàng vào cơ sở dữ liệu

### Luồng sự kiện thay thế

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Vị trí thay thế | Điều kiện | Hành động | Vị trí trở lại |
| 1 | Bước 3 | Thông tin không chính xác | Hệ thống hiển thị thông báo cho Khách | Bước 2 |

### Dữ liệu đầu vào

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Trường dữ liệu | Mô tả | Bắt buộc | Điều kiện thỏa mãn | Ví dụ |
| 1 | Địa chỉ cửa hàng |  | Có | Là chuỗi kí tự | Hai Bà Trưng, Hà Nội |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |

### Dữ liệu đầu ra

### Hậu điều kiện

## Usecase 03 - Rent Bike

### Mã ca sử dụng:

UC – 03

### Mô tả

Ca sử dụng tương tác người dung và hệ thống khi người dùng muốn tìm kiếm xe để thuê

### Tác nhân tham gia

User

### Tiền điều kiện

Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống

### Luồng sự kiện cơ bản

Bước 1: Người dùng nhấn vào “Thuê xe ngay”

Bước 2: Hệ thống hiển thị màn hình thuê xe với các lựa chọn tìm kiếm theo địa chỉ, theo giá tiền

Bước 3: Người dùng lựa chọn tìm kiếm phù hợp

Bước 4: Hệ thống hiển thị các loại xe phù hợp

Bước 5: Người dùng nhấn vào nút thuê xe dưới phần hiển thị xe mà mình mong muốn

Bước 6: Hệ thống hiển thị form thời gian thuê xe mong muốn

Bước 7: Người dùng lựa chọn thời gian thuê xe mình mong muốn

Bước 8: Hệ thống tính toán phí thuê xe

Bước 9: Hệ thống hiển thị thông tin hóa đơn

Bước 10: Người dùng xác nhân thông tin hóa đơn và nhấn “Thuê”

Bước 11: Hệ thống lưu thông tin vào cơ sở dữ liệu

### Luồng sự kiện thay thế

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Vị trí thay thế | Điều kiện | Hành động | Vị trí trở lại |
| 1 | Bước 4 | Không tìm thấy xe thích hợp | Hệ thống hiển thị thông tin cho người dùng | Bước 2 |

### Dữ liệu đầu vào

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Trường dữ liệu | Mô tả | Bắt buộc | Điều kiện thỏa mãn | Ví dụ |
| 1 | Thời gian thuê xe |  | Có | Time picker |  |

### Dữ liệu đầu ra

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Trường dữ liệu | Mô tả | Định dạng | Ví dụ |
| 1 | Tên cửa hàng | Tên cửa hàng Người dùng chọn thuê xe | Xâu ký tự |  |
| 2 | Mã cửa hàng | Mã cửa hàng Người dùng chọn thuê xe | Xâu ký tự |  |
| 3 | Tên Người dùng | Tên Người dùng đăng ký | Xâu ký tự |  |
| 4 | Mã Người dùng | Mã Người dùng được cấp | Xâu ký tự |  |
| 5 | Loại xe thuê | Tên của loại xe Người dùng chọn thuê | Xâu ký tự |  |
| 6 | Thời gian thuê | Thời gian Người dùng chọn thuê xe | Thời gian (HH:MM – HH:MM) |  |
| 7 | Mã đặt thuê xe | Mã của đơn đặt thuê xe | Xâu ký tự |  |

### Hậu điều kiện

## Usecase 04 - Request Unloking Bike

### Mã ca sử dụng:

UC – 04

### Mô tả

Ca sử dụng tương tác giữa chủ cửa hàng với hệ thống khi muốn yêu cầu admin mở khóa xe của cửa hàng

### Tác nhân tham gia

Store Manager

### Tiền điều kiện

### Luồng sự kiện cơ bản

Bước 1: Chủ cửa hàng chọn “Các xe đang bị khóa”

Bước 2: Hệ thống hiển thị các xe của cửa hàng hiện đang bị admin khóa

Bước 3: Người dùng chọn “Yêu cầu mở khóa” dưới xe mà mình muốn

Bước 4: Hệ thống hiển thị form “Yêu cầu mở khóa”

Bước 5: Người dùng điền form

Bước 6: Hệ thống thông báo “Đã gửi yêu cầu” cho Chủ cửa hàng và lưu vào cơ sở dữ liệu

### Luồng sự kiện thay thế

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Vị trí thay thế | Điều kiện | Hành động | Vị trí trở lại |
| 1 | Bước 5 | Sai thông tin đăng nhập | Hệ thống hiển thị thông báo cho người dùng | Bước 3 |

### Dữ liệu đầu vào

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Trường dữ liệu | Mô tả | Bắt buộc | Điều kiện thỏa mãn | Ví dụ |
| 1 | Lí do yêu cầu mở khóa |  | Có | Chuỗi |  |

### Dữ liệu đầu ra

### Hậu điều kiện

## Usecase 05 - Account Information Update

### Mã ca sử dụng:

UC – 05

### Mô tả

Ca sử dụng tương tác người dùng, chủ cửa hàng và hệ thống khi muốn thay đổi thông tin cá nhân

### Tác nhân tham gia

User, Store Management

### Tiền điều kiện

Người dùng, chủ cửa hàng đã đăng nhập vào hệ thống

### Luồng sự kiện cơ bản

Bước 1: Tác nhân nhấn vào “Cập nhật thông tin”

Bước 2: Hệ thống hiển thị màn hình cập nhật thông tin

Bước 3: Tác nhân sửa các thông tin mình muốn

Bước 4: Hệ thống kiểm tra thông tin được nhập vào

Bước 5: Hệ thống cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu

### Luồng sự kiện thay thế

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Vị trí thay thế | Điều kiện | Hành động | Vị trí trở lại |
| 1 | Bước 5 | Thông tin tác nhân nhập không hợp lệ | Hệ thống hiển thị thông tin cho tác nhân | Bước 3 |

### Dữ liệu đầu vào

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Trường dữ liệu | Mô tả | Bắt buộc | Điều kiện thỏa mãn | Ví dụ |
| 1 | Tên |  |  | Chuỗi kí tự |  |
| 2 | Ngày sinh |  |  | Date |  |
| 3 | Địa chỉ |  |  | Chuỗi kí tự |  |

### Dữ liệu đầu ra

### Hậu điều kiện

## Usecase 06 - Update Bike Information

### Mã ca sử dụng:

UC – 06

### Mô tả

Ca sử dụng tương tác giữa chủ cửa hàng và hệ thống khi chủ cửa hàng muốn cập nhật thông tin xe

### Tác nhân tham gia

Store Manager

### Tiền điều kiện

Tác nhân đã đăng nhập tài khoản được cấp quyền chủ cửa hàng muốn thay đổi thông tin xe

### Luồng sự kiện cơ bản

Bước 1: Chủ cửa hàng nhấn vào “Cập nhật thông tin xe”

Bước 2: Hệ thống hiển thị màn hình cập nhật thông tin xe

Bước 3: Chủ cửa hàng chọn xe muốn cập nhật thông tin

Bước 4: Hệ thống hiển thị form thay đổi thông tin xe

Bước 5: Chủ cửa hàng nhập thông tin xe

Bước 6: Hệ thống kiểm tra thông tin

Bước 7: Hệ thống yêu cầu xác nhận thay đổi thông tin

Bước 8: Hệ thống cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu

### Luồng sự kiện thay thế

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Vị trí thay thế | Điều kiện | Hành động | Vị trí trở lại |
| 1 | Bước 7 | Hệ thống kiểm tra thông tin thấy sai sót | Hệ thống hiển thị thông báo cho chủ cửa hàng | Bước 5 |
| 2 | Bước 8 | Chủ cửa hàng chọn không | Thoát usecase | Thoát UC |

### Dữ liệu đầu vào

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Trường dữ liệu | Mô tả | Bắt buộc | Điều kiện thỏa mãn | Ví dụ |
| 1 | Loại xe | Tên của loại xe | Có | Chuỗi |  |
| 2 | Chiều cao | Chiều cao của xe | Có | Chuỗi |  |
| 3 | Cân nặng | Cân nặng của xe | Có | Chuỗi |  |
| 4 | Giá thuê | Giá thuê của xe | Có | Chuỗi |  |

### Dữ liệu đầu ra

### Hậu điều kiện

## Usecase 07 - Add Bike

### Mã ca sử dụng:

UC – 07

### Mô tả

Ca sử dụng tương tác chủ cửa hàng và hệ thống khi muốn thêm xe vào cửa hàng trên hệ thống

### Tác nhân tham gia

Store Management

### Tiền điều kiện

Tác nhân đã đăng nhập vào hệ thống dưới quyền “Chủ cửa hàng”

### Luồng sự kiện cơ bản

Bước 1: Chủ cửa hàng lựa chọn thêm xe

Bước 2: Hệ thống hiển thị màn hình thêm xe

Bước 3: Tác nhân điền thông tin form thêm xe

Bước 4: Hệ thống kiểm tra thông tin được nhập vào

Bước 5: Hệ thống cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu

### Luồng sự kiện thay thế

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Vị trí thay thế | Điều kiện | Hành động | Vị trí trở lại |
| 1 | Bước 5 | Thông tin tác nhân nhập không hợp lệ | Hệ thống hiển thị thông tin cho tác nhân | Bước 3 |

### Dữ liệu đầu vào

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Trường dữ liệu | Mô tả | Bắt buộc | Điều kiện thỏa mãn | Ví dụ |
| 1 | Loại xe | Tên của loại xe | Có | Chuỗi |  |
| 2 | Chiều cao | Chiều cao của xe | Có | Chuỗi |  |
| 3 | Cân nặng | Cân nặng của xe | Có | Chuỗi |  |
| 4 | Giá thuê | Giá thuê của xe | Có | Chuỗi |  |

### Dữ liệu đầu ra

### Hậu điều kiện

## Usecase - Delete Bike

### Mã ca sử dụng:

UC – 08

### Mô tả

Ca sử dụng tương tác chủ cửa hàng và hệ thống khi muốn xóa xe vào cửa hàng trên hệ thống

### Tác nhân tham gia

Store Management

### Tiền điều kiện

Tác nhân đã đăng nhập vào hệ thống dưới quyền “Chủ cửa hàng”

### Luồng sự kiện cơ bản

Bước 1: Chủ cửa hàng lựa chọn xóa xe

Bước 2: Hệ thống hiển thị màn hình xóa xe

Bước 3: Chủ cửa hàng chọn xe muốn xóa

Bước 4: Hệ thống yêu cầu xác nhận có xóa hay không

Bước 5: Hệ thống cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu

### Luồng sự kiện thay thế

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Vị trí thay thế | Điều kiện | Hành động | Vị trí trở lại |
| 1 | Bước 5 | Chủ cửa hàng chọn “Không” | Thoát UC | Thoát UC |

### Dữ liệu đầu vào

### Dữ liệu đầu ra

### Hậu điều kiện

### Usecase 09 - Delete Account

### Mã ca sử dụng:

UC – 09

### Mô tả

Ca sử dụng tương tác giữa admin và hệ thống khi muốn xóa tài khoản khỏi hệ thống

### Tác nhân tham gia

Admin

### Tiền điều kiện

Tác nhân đã đăng nhập vào hệ thống dưới quyền “Admin”

### Luồng sự kiện cơ bản

Bước 1: Admin chọn danh sách tài khoản.

Bước 2: Hệ thống hiển thị màn hình danh sách các tài khoản.

Bước 3: Admin chọn tài khoản muốn xóa.

Bước 4: Hệ thống yêu cầu xác nhận có xóa hay không.

Bước 5: Hệ thống cập nhật thông tin các tài khoản đã xóa và cập nhật vào cơ sở dữ liệu.

Bước 6: Thoát màn hình xóa tài khoản.

### Luồng sự kiện thay thế

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Vị trí thay thế | Điều kiện | Hành động | Vị trí trở lại |
| 1 | Bước 5 | Admin chọn “Không” | Thoát trở về màn hình danh sách tài khoản | Thoát UC |

### Dữ liệu đầu vào

### Dữ liệu đầu ra

### Hậu điều kiện

## Usecase 10 - Accepting Banning User Request

### Mã ca sử dụng:

UC - 10

### Mô tả

Ca sử dụng tương tác giữa admin và hệ thống khi muốn khóa tài khoản của người dùng

### Tác nhân tham gia

Admin

### Tiền điều kiện

Tác nhân đã đăng nhập vào hệ thống dưới quyền “Admin”

### Luồng sự kiện cơ bản

Bước 1: Admin chọn xem danh sách yêu cầu khóa tài khoản.

Bước 2: Hệ thống hiển thị màn hình các yêu cầu khóa tài khoản.

Bước 3: Admin xem danh sách các yêu cầu khóa tài khoản.

Bước 4: Admin chọn sắp xếp các tài khoản có nhiều yêu cầu khóa nhất.

Bước 5: Admin chọn yêu cầu khóa tài khoản muốn phê duyệt.

Bước 6: Hệ thống yêu cầu xác nhận có khóa hay không

Bước 7: Hệ thống cập nhật thông tin các tài khoản đã bị khóa và cập nhật vào cơ sở dữ liệu

### Luồng sự kiện thay thế

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Vị trí thay thế | Điều kiện | Hành động | Vị trí trở lại |
| 1 | Bước 6 | Admin chọn “Không” | Thoát UC | Thoát UC |

### Dữ liệu đầu vào

### Dữ liệu đầu ra

### Hậu điều kiện

## Usecase 11 - Accepting Store Management Sign Up Request

### Mã ca sử dụng

UC - 11

### Mô tả

Ca sử dụng tương tác giữa admin và hệ thống khi muốn thêm tài khoản chủ cửa hàng

### Tác nhân tham gia

Admin

### Tiền điều kiện

Tác nhân đã đăng nhập vào hệ thống dưới quyền “Admin”

### Luồng sự kiện cơ bản

Bước 1: Admin chọn xem tài khoản của chủ cửa hàng muốn thêm.

Bước 2: Hệ thống hiển thị màn hình danh sách các tài khoản của chủ cửa hàng.

Bước 3: Admin chọn tài khoản muốn thêm.

Bước 4: Hệ thống yêu cầu xác nhận có thêm tài khoản này hay không?

Bước 5: Hệ thống cập nhật thông tin các tài khoản đã thêm và cập nhật vào cơ sở dữ liệu.

Bước 6: Thoát màn hình xem tài khoản muốn thêm.

### Luồng sự kiện thay thế

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Vị trí thay thế | Điều kiện | Hành động | Vị trí trở lại |
| 1 | Bước 5 | Admin chọn “Không” | Thoát UC | Thoát UC |

### Dữ liệu đầu vào

### Dữ liệu đầu ra

### Hậu điều kiện

## Usecase 12 - Accept Banning Bike Request

### Mã ca sử dụng:

UC – 12

### Mô tả

Ca sử dụng tương tác giữa admin và hệ thống khi muốn chấp nhận yêu cầu khóa xe của chủ cửa hàng của người dùng

### Tác nhân tham gia

Admin

### Tiền điều kiện

Tác nhân đã đăng nhập vào hệ thống dưới quyền “Admin”

### Luồng sự kiện cơ bản

Bước 1: Admin lựa chọn “Yêu cầu khóa xe”.

Bước 2: Hệ thống hiển thị màn hình danh sách các yêu cầu khóa xe.

Bước 3: Admin chọn các yêu cầu muốn phê duyệt.

Bước 4: Hệ thống yêu cầu xác nhận có muốn khóa xe này không?

Bước 5: Hệ thống cập nhật thông tin các xe đã bị khóa và các xe không khóa và cập nhật vào cơ sở dữ liệu

Bước 6: Thoát màn hình yêu cầu khóa xe.

### Luồng sự kiện thay thế

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Vị trí thay thế | Điều kiện | Hành động | Vị trí trở lại |
| 1 | Bước 5 | Admin chọn “Không” | Thoát UC | Thoát UC |

### Dữ liệu đầu vào

### Dữ liệu đầu ra

### Hậu điều kiện

## Usecase 13 - Phê duyệt yêu cầu mở khóa xe

### Mã ca sử dụng:

UC – 13

### Mô tả

Ca sử dụng tương tác giữa quản trị viên và hệ thống khi muốn phê duyệt yêu cầu mở khóa xe của chủ cửa hàng

### Tác nhân tham gia

Quản trị viên

### Tiền điều kiện

Tác nhân đã đăng nhập vào hệ thống dưới quyền “Admin”

### Luồng sự kiện cơ bản

Bước 1: Quản trị viên lựa chọn “Phê duyệt yêu cầu mở khóa xe trong menu quản trị viên

Bước 2: Hệ thống hiển thị màn hình các yêu cầu mở khóa xe, được sắp xếp dựa theo thời gian gửi đơn, và hiển thị tối đa 10 yêu cầu trên màn hình, có thể phân trang khi tổng số yêu cầu vượt quá 10

Bước 3: Quản trị viên chọn yêu cầu muốn phê duyệt

Bước 4: Hệ thống hiển thị chi tiết thông tin yêu cầu bao gồm: Thời gian, Tên xe, Chủ cửa hàng, Lí do khóa, Lí do yêu cầu mở khóa và 2 nút “Phê duyệt”, “Từ chối”

Bước 5: Quản trị viên chọn “Phê duyệt”

Bước 6: Hệ thống cập nhật trạng thái xe từ khóa sang không khóa, xóa yêu cầu khỏi cơ sở dữ liệu và thông báo cho quản trị viên

### Luồng sự kiện thay thế

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Vị trí thay thế | Điều kiện | Hành động | Vị trí trở lại |
| 1 | Bước 6 | Admin chọn “Từ chối” | Hệ thống xóa yêu cầu khỏi cơ sở dữ liệu và thông báo cho quản trị viên | Thoát UC |
| 2 | Bước 6 | Admin chọn “X” | Trở về màn hình “Phê duyệt yêu cầu mở khóa xe” | Bước 2 |

### Dữ liệu đầu vào

### Dữ liệu đầu ra

### Hậu điều kiện

## Usecase 14 - Gửi yêu cầu khóa xe

### Mã ca sử dụng:

UC – 14

### Mô tả

Ca sử dụng tương tác giữa người dùng và hệ thống khi muốn yêu cầu khóa xe của cửa hàng

### Tác nhân tham gia

Người dùng

### Tiền điều kiện

Tác nhân đã đăng nhập vào hệ thống dưới quyền “Người dùng”

### Luồng sự kiện cơ bản

Bước 1: Người dùng lựa chọn “Xe đã thuê” ở menu người dùng

Bước 2: Hệ thống hiển thị màn hình xe đã thuê bao gồm các thông tin: Tên xe, Tên chủ cửa hàng, Giá, Thời gian thuê và nút “Yêu cầu khóa xe này”

Bước 3: Người dùng nhấn vào nút “Yêu cầu khóa xe này”

Bước 4: Hệ thống yêu cầu xác nhận có muốn yêu cầu khóa xe này không?

Bước 5: Người dùng chọn “Có”

Bước 6: Hệ thống hiển thị form “Yêu cầu khóa xe” bao gồm các thông tin: Lí do khóa xe, ảnh đi kèm

Bước 7: Người dùng điền form

Bước 8: Hệ thống xác nhận với người dùng “Đã gửi yêu cầu” và tạo “Yêu cầu khóa xe” mới trong cơ sở dữ liệu

### Luồng sự kiện thay thế

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Vị trí thay thế | Điều kiện | Hành động | Vị trí trở lại |
| 1 | Bước 6 | Người dùng chọn “Không” | Thoát UC | Thoát UC |

### Dữ liệu đầu vào

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Trường dữ liệu | Mô tả | Bắt buộc | Điều kiện thỏa mãn | Ví dụ |
| 1 | Lí do yêu cầu khóa |  | Có | Chuỗi |  |
| 2 | Ảnh đi kèm |  | Có | Tệp hình ảnh |  |

### Dữ liệu đầu ra

### Hậu điều kiện

## Usecase 15 - Yêu cầu khóa tài khoản người dùng

### Mã ca sử dụng:

UC – 15

### Mô tả

Ca sử dụng tương tác giữa chủ cửa hàng và hệ thống khi muốn yêu cầu khóa tài khoản người dùng

### Tác nhân tham gia

Chủ cửa hàng

### Tiền điều kiện

Tác nhân đã đăng nhập vào hệ thống dưới quyền “Chủ cửa hàng”

### Luồng sự kiện cơ bản

Bước 1: Chủ cửa hàng lựa chọn “Yêu cầu khóa tài khoản”

Bước 2: Hệ thống hiển thị màn hình các xe đã được thuê của cửa hàng, đã quá thời gian thuê nhưng vẫn chưa được phê duyệt yêu cầu trả xe

Bước 3: Chủ cửa hàng chọn xe đã được thuê mà muốn yêu cầu khóa và nhấn nút yêu cầu khóa người dùng thuê xe này

Bước 4: Hệ thống yêu cầu xác nhận có muốn yêu cầu khóa tài khoản người này không?

Bước 5: Chủ cửa hàng chọn “Có”

Bước 6: Hệ thống xác nhận với chủ cửa hàng “Đã gửi yêu cầu” và thêm mới “Yêu cầu khóa tài khoản người dùng” vào CSDL

### Luồng sự kiện thay thế

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Vị trí thay thế | Điều kiện | Hành động | Vị trí trở lại |
| 1 | Bước 6 | Chủ cửa hàng chọn “Không” | Thoát UC | Thoát UC |

### Dữ liệu đầu vào

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Trường dữ liệu | Mô tả | Bắt buộc | Điều kiện thỏa mãn | Ví dụ |

### Dữ liệu đầu ra

### Hậu điều kiện

## Usecase 16 - Phê duyệt đơn thuê xe

### Mã ca sử dụng:

UC – 16

### Mô tả

Ca sử dụng tương tác giữa chủ cửa hàng và hệ thống khi muốn phê duyệt đơn thuê xe của người dùng

### Tác nhân tham gia

Chủ cửa hàng

### Tiền điều kiện

Tác nhân đã đăng nhập vào hệ thống dưới quyền “Chủ cửa hàng”

### Luồng sự kiện cơ bản

Bước 1: Chủ cửa hàng lựa chọn “Phê duyệt đơn thuê xe” trong menu chủ cửa hàng

Bước 2: Hệ thống hiển thị màn hình các xe đơn thuê xe theo thứ tự thời gian

Bước 3: Chủ cửa hàng chọn phê duyệt đơn thuê xe này

Bước 4: Hệ thống yêu cầu xác nhận có muốn phê duyệt đơn thuê này không?

Bước 5: Chủ cửa hàng chọn “Có”

Bước 6: Hệ thống chuyển trạng thái đơn thuê xe từ “đợi được phê duyệt” sang “đã phê duyệt”, đổi trạng thái xe từ “đợi được thuê” sang “đã được thuê” và hiển thị thông báo lên màn hình cho chủ cửa hàng

### Luồng sự kiện thay thế

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Vị trí thay thế | Điều kiện | Hành động | Vị trí trở lại |
| 1 | Bước 6 | Chủ cửa hàng chọn “Không” | Hệ thống xóa đơn thuê xe khỏi cơ sở dữ liệu, chuyển trạng thái xe từ “đợi được thuê” sang “sẵn sàng” | Bước 2 |

### Dữ liệu đầu vào

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Trường dữ liệu | Mô tả | Bắt buộc | Điều kiện thỏa mãn | Ví dụ |

### Dữ liệu đầu ra

### Hậu điều kiện

## Usecase 17 - Phê duyệt yêu cầu trả xe

### Mã ca sử dụng:

UC – 17

### Mô tả

Ca sử dụng tương tác giữa chủ cửa hàng và hệ thống khi muốn phê duyệt yêu cầu trả xe

### Tác nhân tham gia

Chủ cửa hàng

### Tiền điều kiện

Tác nhân đã đăng nhập vào hệ thống dưới quyền “Chủ cửa hàng”

### Luồng sự kiện cơ bản

Bước 1: Chủ cửa hàng lựa chọn “Phê duyệt yêu cầu trả xe” trong menu chủ cửa hàng

Bước 2: Hệ thống hiển thị màn hình các xe đơn thuê xe trong trạng thái “đã được phê duyệt” theo thứ tự thời gian

Bước 3: Chủ cửa hàng chọn “Xác nhận xe này đã được trả!”

Bước 4: Hệ thống yêu cầu xác nhận có muốn xác nhận xe này đã được trả hay khônh?

Bước 5: Chủ cửa hàng chọn “Có”

Bước 6: Hệ thống chuyển trạng thái xe từ “đã được thuê” sang “sẵn sàng”, xóa đơn thuê xe khỏi cơ sở dữ liệu

### Luồng sự kiện thay thế

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Vị trí thay thế | Điều kiện | Hành động | Vị trí trở lại |
| 1 | Bước 6 | Chủ cửa hàng chọn “Không” | Quay trở lại màn hình “Phê duyệt yêu cầu trả xe | Bước 2 |

### Dữ liệu đầu vào

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Trường dữ liệu | Mô tả | Bắt buộc | Điều kiện thỏa mãn | Ví dụ |

### Dữ liệu đầu ra

### Hậu điều kiện